TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2023/HS-ST
Ngày: 25/7/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Triều.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Trần Trọng Vũ.**

2/ Bà **Phạm Thu Trúc.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mỹ Duyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Hiền Mụi** – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2023/TLST-HS ngày 25 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2023/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm: 1988; tại tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú: Ấp C, xã M, thị xã L, tỉnh Tiền Giang; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 01/12; Con ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị T1; Bị cáo chưa có vợ và con;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/01/2023, đến ngày 06/01/2023 chuyển tạm giam cho đến nay.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

** Bị hại:*

1. **Phạm Thị Lan H,** sinh năm: 1989;
Nơi cư trú: Ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. *(Có mặt)*

2. **Ngô Văn H1,** sinh năm: 1988;
Nơi thường trú: Ấp Đ, xã Đ1, huyện C1, tỉnh Trà Vinh.
Nơi ở hiện tại: Ấp Q, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre. *(Vắng mặt)*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. **Ngô Văn H2,** sinh năm: 1985;
Nơi cư trú: Ấp Đ, xã Đ1, huyện C1, tỉnh Trà Vinh. *(Vắng mặt)*

2. **Huỳnh Ngọc S,** sinh năm: 1983;
Nơi thường trú: khu phố B, phường C, thành phố A, tỉnh Bình Dương;
Nơi ở hiện tại: khu phố B, phường C, thành phố A, tỉnh Bình Dương. *(Vắng mặt)*

3. **Trần Văn U,** sinh năm: 1956;
Nơi cư trú: Ấp T, xã T2, huyện C2, Thành phố Hồ Chí Minh. *(Vắng mặt)*

4. **Võ Thái Quang V,** sinh năm: 1988;
Nơi cư trú: Ấp K, xã M, thị xã L, tỉnh Tiền Giang. *(Vắng mặt)*

* *Người làm chứng:*
Nguyễn Văn H3, sinh năm: 1984;
Nơi thường trú: Ấp A, xã M1, thành phố X, tỉnh An Giang;
Nơi tạm trú: Ấp Q, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.
Nơi ở hiện tại: Ấp Q, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 11 giờ, ngày 09/7/2022, Nguyễn Văn T, sinh năm 1988, nơi cư trú: ấp C, xã M, thị xã L, tỉnh Tiền Giang hỏi mượn xe của chị Phạm Thị Lan H, sinh năm 1989, nơi cư trú: ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre để đi mua bản lề về sửa cửa cho mẹ H. Do tin tưởng T là hàng xóm quen biết nên H đồng ý cho T mượn xe mô tô hiệu Yamaha Acruzo biển số 63C1-103.60 của H. Sau khi mượn được xe, T điều khiển xe mô tô trên đến chợ T thuộc ấp H, xã T thì dừng xe lại, T kiểm tra bên trong cốp xe của chị H có 5.000.000đồng tiền mặt, 03 miếng vàng 9999 trọng lượng mỗi miếng 01 chỉ, do thiếu tiền tiêu xài cá nhân nên T đã nảy sinh ý định muốn chiếm đoạt xe cùng với số tiền và vàng này.

Để thực hiện ý định, T tiếp tục điều khiển xe biển số 63C1-103.60 chạy từ chợ T lên Thành phố Hồ Chí Minh. Khi đến khu vực huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh, T ghé vào tiệm vàng (không rõ tên, địa điểm cụ thể) bán 03 miếng vàng 9999 của chị H với giá 15.300.000đồng. Đến ngày 10/7/2022, T điều khiển xe mô tô biển số 63C1-103.60 đến tiệm cầm đồ S1 thuộc khu phố B, phường C, thành phố A, tỉnh Bình Dương để cầm xe cho anh Huỳnh Ngọc S với số tiền 12.000.000đồng. Sau đó, T lấy số tiền bán vàng, tiền cầm xe cùng số tiền mặt 5.000.000 đồng trong cốp xe của chị H để mua 02 chiếc nhẫn vàng và 01 điện thoại di động hiệu Samsung M53, còn dư số tiền 1.000.000đồng T tiêu xài cá nhân. Trong quá trình sử dụng, T đã làm mất 01 chiếc nhẫn vàng. T điều khiển xe mô tô biển số 59Y2-829.14 của T đến tỉnh Bình Dương, đến khoảng 20 giờ ngày 12/7/2022, T hẹn bạn uống cà phê ở quán cà phê CN thuộc phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương thì bị Công an phường P bắt, mời về trụ sở làm việc.

*** Vật chứng thu giữ:**

+ 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Acruzo biển kiểm soát 63C1-103.60 của Phạm Thị Lan H; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 63C1-103.60 mang tên Phạm Thị Lan H; 01 (một) căn cước công dân tên Phạm Thị Lan H; 01 (một) giấy phép lái xe số 821170000083 hạng A1, họ tên Phạm Thị Lan H; 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng Sacombank, họ tên Phạm Thị Lan H, số thẻ 5174160001289251.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung M53, số seri: RFCT423H42Y; 01 (một) nhẫn kim loại màu vàng đính đá màu đỏ và số tiền Việt Nam 1.000.000đồng là tài sản có được từ số tiền bán, cầm cố tài sản đã chiếm đoạt của chị H;

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu đen, biển số 59Y2-829.14, số máy JF63E1360064, số khung RLHJF6309FZ360048 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung A7, màu xanh đen, số seri R58KBOLW8MT của Nguyễn Văn T.

Tại Kết luận định giá tài sản số 1416/KL-HĐĐG, ngày 08/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện C kết luận: 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Acruzo, màu đen, biển số 63C1-103.60, xe mua vào tháng 5/2019 có giá trị 25.848.900đồng; 03 (ba) miếng vàng loại 9999, trọng lượng mỗi miếng 01 chỉ có tổng giá trị 20.574.000đồng. Tổng giá trị: 46.422.900đồng.

Ngoài ra, T còn chiếm đoạt số tiền 5.000.000đồng tiền mặt trong cốp xe của chị H nên tổng giá trị tài sản T chiếm đoạt của H là 51.422.900đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Châu Thành đã trả lại cho chị Phạm Thị Lan H: 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Acruzo biển kiểm soát 63C1-103.60; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 63C1-103.60 mang tên Phạm Thị Lan H; 01 (một) căn cước công dân tên Phạm Thị Lan H; 01 (một) giấy phép lái xe số 821170000083 hạng A1, họ tên Phạm Thị Lan H; 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng Sacombank, họ tên Phạm Thị Lan H, số thẻ 5174160001289251.

Quá trình điều tra, T đã bồi thường cho chị Phạm Thị Lan H số tiền 15.000.000đồng; chị H yêu cầu T bồi thường thêm số tiền 8.000.000đồng. Tổng số tiền chị H yêu cầu T phải bồi thường là 23.000.000đồng, gồm trị giá 03 miếng vàng 9999 trọng lượng mỗi miếng 01 chỉ và số tiền mặt 5.000.000đồng mà T đã chiếm đoạt của chị H, không thu hồi được. Anh Huỳnh Ngọc S không yêu cầu T bồi thường số tiền cầm xe 12.000.000đồng.

Vụ thứ hai: Trong khi được tại ngoại để điều tra, xử lý về hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản thì vào khoảng 00 giờ 15 phút, ngày 23/12/2022, tại phòng trọ số 22 nhà trọ P thuộc ấp Q, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre, Nguyễn Văn T đã lợi dụng bạn cùng phòng là anh Ngô Văn H1, sinh năm 1988, ĐKTT: Ấp Đ, xã Đ1, huyện C1, tỉnh Trà Vinh đang ngủ say, T đã lén lút lấy trộm 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda biển số 84L1-562.05 cùng nón bảo hiểm treo trên xe và 01 điện thoại di động hiệu Vivo của anh H1. T trộm điện thoại di động với mục đích bán lấy tiền tiêu xài cá nhân và trộm xe để sử dụng làm phương tiện đi lại. Sau khi lấy trộm tài sản, T điều khiển xe mô tô biển số 84L1-562.05 cùng điện thoại vừa trộm được đến tiệm điện thoại Trí Thành N ở K, xã M, thị xã L, tỉnh Tiền Giang (chủ tiệm là anh Võ Thái Quang V) bán điện thoại vừa trộm được với giá là 1.400.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 03/01/2023, khi T đang điều khiển xe mô tô biển số 84L1-562.05 lẫn trốn tại khu phố G, phường D, thị xã K, tỉnh Long An thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Bến Tre bắt truy nã T cùng tang vật.

*** Vật chứng thu giữ:**

+ 01 (một) xe mô tô biển số 84L1-562.05, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE, màu sơn xanh, đen, bạc, số khung RLHJA3916KY339977, số máy JA39E1205535, xe đã qua sử dụng, trên xe có nhiều vết trầy xước và 01 (một) mũ bảo hiểm màu đỏ, trắng có chữ Goviet của anh Ngô Văn H1;

+ 01 (một) điện thoại di động bàn phím hiệu Nokia 105, màu đen, số IMEI: 354185109303132, có gắn sim số thuê bao 0325778398, và 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, màu vàng, số IMEI: 357223093226527, có gắn sim số thuê bao 0333678385 của Nguyễn Văn T;

+ Riêng điện thoại hiệu Vivo của anh H1 không thu hồi được.

Tại Kết luận định giá tài sản số 181/KL-HĐĐG, ngày 17/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện C kết luận: 01 (một) xe mô tô biển số 84L1-562.05, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE, màu sơn xanh, đen, bạc, số khung 3916KY339977, số máy JA39E1205535, mua vào năm 2019 có giá trị 14.726.000đồng; 01 (một) mũ bảo hiểm màu đỏ, trắng có chữ Goviet trị giá 30.000đồng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y21 màu xanh (mua năm 2020 giá 6.990.000đồng) trị giá 2.154.000đồng. Tổng trị giá tài sản mà T lấy trộm của H1 là 16.910.000đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện C đã trả lại cho anh Ngô Văn H1: 01 (một) mũ bảo hiểm màu đỏ, trắng, có chữ Goviet và đã trả lại cho anh Ngô Văn H2: 01 (một) xe mô tô biển số 84L1-562.05, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE, màu sơn xanh, đen, bạc, số khung 3916KY339977, số máy JA39E1205535, xe đã qua sử dụng, trên xe có nhiều vết trầy xước.

Quá trình điều tra, anh Ngô Văn H1 không yêu cầu T bồi thường giá trị điện thoại di động bị chiếm đoạt.

Cáo trạng số 25/CT-VKSCT ngày 24/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về *"Tội trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 và *"Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm *"Tội trộm cắp tài sản"* và *"Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 06 tháng đến 12 tháng tù về *"Tội trộm cắp tài sản"*.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về *"Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, tổng hợp hình phạt theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị hại Ngô Văn H1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu T bồi thường giá trị điện thoại di động bị chiếm đoạt.

Ghi nhận anh Huỳnh Ngọc S không yêu cầu T bồi thường số tiền cầm xe 12.000.000đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T có trách nhiệm bồi thường cho chị Phạm Thị Lan H số tiền là 8.000.000đồng.

** Về xử lý vật chứng:*

+ Ghi nhận quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện C đã trả lại chị Phạm Thị Lan H: 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Acruzo biển số 63C1-103.60; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 63C1-103.60 mang tên Phạm Thị Lan H; 01 (một) căn cước công dân tên Phạm Thị Lan H; 01 (một) giấy phép lái xe số 821170000083 hạng A1, họ tên Phạm Thị Lan H; 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng Sacombank, họ tên Phạm Thị Lan H, số thẻ 5174160001289251.

+ Ghi nhận quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện C đã trả lại anh Ngô Văn H1: 01 (một) mũ bảo hiểm màu đỏ, trắng, có chữ Goviet và đã trả lại cho anh Ngô Văn H2: 01 (một) xe mô tô biển số 84L1-562.05, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE, màu sơn xanh, đen, bạc, số khung 3916KY339977, số máy JA39E1205535, xe đã qua sử dụng, trên xe có nhiều vết trầy xước.

+ Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án đối với: 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung M53, số seri: RFCT423H42Y; 01 (một) nhẫn kim loại màu vàng đính đá màu đỏ và số tiền Việt Nam 1.000.000đồng; 01 (một) điện thoại di động bàn phím hiệu Nokia 105, màu đen, số IMEI: 354185109303132, có gắn sim số thuê bao 0325778398; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, màu vàng, số IMEI: 357223093226527, có gắn sim số thuê bao 0333678385; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, biển số: 59Y2-829.14, màu đen bạc, số máy: JF63E1360064, số khung: RLHJF6309FZ360048; và 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung A7, màu xanh đen, số seri: R58KBOLW8MT của Nguyễn Văn T.

** Bị hại Phạm Thị Lan H trình bày:*

Chị đã nhận lại tài sản là xe mô tô hiệu Yamaha Acruzo biển số 63C1-103.60 và các giấy tờ cá nhân. Chị yêu cầu T bồi thường cho chị số tiền là 23.000.000đồng (gồm trị giá 03 miếng vàng 9999 trọng lượng mỗi miếng 01 chỉ và số tiền mặt 5.000.000đồng T đã chiếm đoạt, không thu hồi được). T đã bồi thường được 15.000.000đồng. Chị yêu cầu T bồi thường số tiền còn lại là 8.000.000đồng. Về trách nhiệm hình sự, chị yêu cầu xét xử bị cáo T theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, đồng thời tại lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về các quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng cũng như các hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng cũng như các hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị hại Ngô Văn H1, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt. Bị cáo không có ý kiến. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tiếp tục xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy những người này đã có lời khai rõ ràng trong quá trình điều tra, việc vắng mặt này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử là phù hợp quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] *Về nội dung vụ án:* Lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị hại về đặc điểm tài sản, vị trí, thời gian để tài sản mà bị cáo chiếm đoạt và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[3] Đối với hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của bị cáo: Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định, với động cơ tư lợi bất chính nên vào khoảng 11 giờ, ngày 09/7/2022, tại ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre, Nguyễn Văn T đã lợi dụng sự tin tưởng của chị Phạm Thị Lan H, sau khi mượn được xe mô tô hiệu Yamaha Acruzo biển số 63C1-103.60 của chị H và phát hiện bên trong cốp xe có 03 miếng vàng 9999, trọng lượng mỗi miếng 01 chỉ và 5.000.000đồng tiền mặt thì T đã bỏ trốn, chiếm đoạt chiếc xe và toàn bộ tài sản bên trong cốp xe của chị H trị giá 51.422.900 đồng.

[3.1] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Bị cáo là người đã thành niên, khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp vì mục đích vụ lợi cá nhân, lợi dụng sự tin tưởng của bị hại, sau khi mượn được tài sản của bị hại, bị cáo đã bỏ trốn nhằm chiếm đoạt tài sản đó, với tổng giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại Phạm Thị Lan H là 51.422.900đồng. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đã phạm *"Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cáo trạng và quan điểm luận tội của Đại diện Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội.

[3.2] *Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Đối với hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo: Trong khi vụ việc lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản trên chưa được xử lý thì vào khoảng 00 giờ 15 phút, ngày 23/12/2022, tại phòng trọ số 22 nhà trọ P thuộc ấp Q, xã S, huyện C, tỉnh

Bến Tre, Nguyễn Văn T đã lén lút lấy trộm 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda biển số 84L1-562.05 cùng nón bảo hiểm treo trên xe và 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo của anh Ngô Văn H1 có tổng giá trị là 16.910.000đồng.

[4.1] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm khách thể là quyền sở hữu tài sản của người khác. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ, bị cáo biết việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ tư lợi bất chính, bị cáo đã thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Lợi dụng sơ hở của bị hại trong việc quản lý, trông coi tài sản nên bị cáo đã tiếp cận, lấy trộm tài sản và nhanh chóng tẩu thoát nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại Ngô Văn H1, với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 16.910.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đã phạm *"Tội trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cáo trạng và quan điểm luận tội của Đại diện Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội.

[4.2] *Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Mặc dù bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng năng trách nhiệm hình sự và có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tuy nhiên, xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương nơi bị cáo thực hiện tội phạm, tạo sự bất bình, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân; trong thời gian bị cáo được tại ngoại để điều tra, xử lý về hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản của người khác, cho thấy bản tính xem thường pháp luật của bị cáo. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng và bản tính xem thường pháp luật của bị cáo nên cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện, có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù là phù hợp quy định tại Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Trong vụ án này, bị cáo phạm hai tội (Tội trộm cắp tài sản và Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản) nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội.

[7] *Về trách nhiệm dân sự:*

Ghi nhận bị hại Ngô Văn H1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị chiếc điện thoại di động hiệu Vivo bị chiếm đoạt, không thu hồi được.

Ghi nhận anh Huỳnh Ngọc S không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền cầm xe 12.000.000đồng.

Bị hại Phạm Thị Lan H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 23.000.000 đồng (gồm trị giá 03 miếng vàng 9999 trọng lượng mỗi miếng 01 chỉ và số tiền mặt 5.000.000đồng bị chiếm đoạt và không thu hồi được). Chị H thừa nhận bị cáo đã bồi thường được 15.000.000đồng. Tại phiên tòa, chị H yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 8.000.000đồng, bị cáo đồng ý bồi thường. Do đó buộc bị cáo Nguyễn Văn T có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Phạm Thị Lan H số tiền còn lại là 8.000.000đồng.

[8] Đối với hành vi cầm xe: bị cáo cầm xe mô tô hiệu Yamaha Acruzo biển số 63C1-103.60 của chị H cho anh Huỳnh Ngọc S, tại tiệm cầm đồ S1 thuộc khu phố B, phường C, thành phố A, tỉnh Bình Dương. Quá trình điều tra xác định được anh Huỳnh Ngọc S không biết xe mô tô biển số 63C1-103.60 này là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên không đề cập xử lý trách nhiệm hình sự đối với S là phù hợp.

Đối với hành vi mua lại chiếc điện thoại di động hiệu Vivo: bị cáo đã bán chiếc điện thoại di động hiệu Vivo của anh H1 cho anh Võ Thái Quang V, chủ tiệm điện thoại Trí Thành N ở K, xã M, thị xã L, tỉnh Tiền Giang. Quá trình điều tra, qua xác minh xác định anh Võ Thái Quang V không biết nguồn gốc chiếc điện thoại này từ đâu mà có, anh không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không đề cập xử lý trách nhiệm hình sự đối với V là phù hợp.

[9] Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu sơn đen, số máy JF63E1360064, số khung RLHJF6309FZ360048, biển số 59Y2-829.14 thu giữ từ bị cáo Nguyễn Văn T, quá trình điều tra xác định được anh Trần Văn U là người đứng tên chủ sở hữu chiếc xe. Qua xác minh, anh U xác định đã bán xe này cho một người thanh niên khoảng 30 tuổi, quê ở tỉnh Tiền Giang vào năm 2019 tại S, Thành phố Hồ Chí Minh nên hiện tại anh không phải là chủ sở hữu xe mô tô biển số 59Y2-829.14, anh không có liên quan đến chiếc xe này và không có yêu cầu nhận lại xe. Quá trình điều tra, bị cáo cũng xác định xe mô tô biển số 59Y2-829.14 là tài sản của bị cáo mua vào năm 2019 từ một người đàn ông ở S, Thành phố Hồ Chí Minh, mặc dù chưa làm thủ tục sang tên nhưng đây là tài sản của bị cáo. Xét lời khai của anh Trần Văn U và của bị cáo là phù hợp nhau nên có cơ sở xác định xe mô tô biển số 59Y2-829.14 là tài sản của bị cáo Nguyễn Văn T.

[10] *Về xử lý vật chứng:*

+ Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả lại cho chị Phạm Thị Lan H: 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Acruzo biển số 63C1-103.60 của Phạm Thị Lan H; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 63C1-103.60 mang tên Phạm Thị Lan H; 01 (một) căn cước công dân tên Phạm Thị Lan H; 01 (một) giấy phép lái xe số 821170000083 hạng A1, họ tên Phạm Thị Lan H; 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng Sacombank, họ tên Phạm Thị Lan H, số thẻ 5174160001289251. Đây là tài sản của chị H, việc trả lại tài sản cho chị H là phù hợp nên ghi nhận.

+ Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả lại cho anh Ngô Văn H1: 01 (một) mũ bảo hiểm màu đỏ, trắng, có chữ Goviet. Đây là tài sản của anh H1, việc trả lại tài sản cho anh H1 là phù hợp nên ghi nhận.

+ Đối với xe mô tô biển số 84L1-562.05, nhãn hiệu Honda, số loại WAVE, màu sơn xanh, đen, bạc, số khung 3916KY339977, số máy JA39E1205535, xe đã qua sử dụng, trên xe có nhiều vết trầy xước, quá trình điều tra đã xác định được anh Ngô Văn H2 là người đứng tên chủ sở hữu chiếc xe nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Bến Tre đã trả lại xe cho anh Ngô Văn H2 là phù hợp nên ghi nhận.

+ Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung M53, số seri: RFCT423H42Y; 01 (một) nhẫn kim loại màu vàng đính đá màu đỏ và số tiền Việt Nam 1.000.000đồng là tài sản được mua từ số tiền bán, cầm cố tài sản đã chiếm đoạt của chị H và các tài sản bao gồm: 01 (một) điện thoại di động bàn phím hiệu Nokia 105, màu đen, số IMEI: 354185109303132, có gắn sim số thuê bao 0325778398; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, màu vàng, số IMEI: 357223093226527, có gắn sim số thuê bao 0333678385; 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Airblade, biển số 59Y2-829.14, màu đen bạc, số máy JF63E1360064, số khung RLHJF6309FZ360048; và 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung A7, màu xanh đen, số seri R58KBOLW8MT là tài sản của bị cáo Nguyễn Văn T, tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[11] *Về án phí:* Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Do yêu cầu về trách nhiệm dân sự của bị hại Phạm Thị Lan H được chấp nhận nên bị cáo có trách nhiệm chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định là: 8.000.000đồng x 5% = 400.000đồng (Bốn trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] *Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:*

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn T** phạm *"Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T **02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù.**

[2] *Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:*

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn T** phạm *"Tội trộm cắp tài sản"*.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T **09 (chín) tháng tù.**

[3] *Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:*

Tổng hợp hình phạt **02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù** về *"Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* và **09 (chín) tháng tù** về ""*Tội trộm cắp tài sản"*, buộc bị cáo **Nguyễn Văn T** phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **03 (ba) năm tù.**

Thời hạn tù tính từ ngày 03/01/2023.

[4] *Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; các điều 584, 585, 586, 589 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015:*

Về trách nhiệm dân sự:

+ Ghi nhận bị hại Ngô Văn H1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị chiếc điện thoại di động hiệu Vivo bị chiếm đoạt, không thu hồi được.

+ Ghi nhận anh Huỳnh Ngọc S không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền cầm xe 12.000.000đồng.

+ Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Phạm Thị Lan H số tiền là 8.000.000đồng (Tám triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

[5] *Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:*

Về xử lý vật chứng:

+ Ghi nhận quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện C đã trả lại cho chị Phạm Thị Lan H: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Acruzo biển số 63C1-103.60; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 63C1-103.60 mang tên Phạm Thị Lan H; 01 (một) căn cước công dân tên Phạm Thị Lan H; 01 (một) giấy phép lái xe số 821170000083 hạng A1, họ tên Phạm Thị Lan H; 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng Sacombank, họ tên Phạm Thị Lan H, số thẻ 5174160001289251.

+ Ghi nhận quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện C đã trả lại cho anh Ngô Văn H1: 01 (một) mũ bảo hiểm màu đỏ, trắng, có chữ Goviet; và đã trả lại cho anh Ngô Văn H2: 01 (một) xe mô tô biển số 84L1-562.05, nhãn hiệu Honda, số loại WAVE, màu sơn xanh, đen, bạc, số khung 3916KY339977, số máy JA39E1205535, xe đã qua sử dụng, trên xe có nhiều vết trầy xước.

+ Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án: 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung M53, số seri: RFCT423H42Y; 01 (một) nhẫn kim loại màu vàng đính đá màu đỏ và số tiền Việt Nam 1.000.000đồng; 01 (một) điện thoại di động bàn phím hiệu Nokia 105, màu đen, số IMEI: 354185109303132, có gắn sim số thuê bao 0325778398; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, màu vàng, số IMEI: 357223093226527, có gắn sim số thuê bao 0333678385; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, biển số: 59Y2-829.14, màu đen bạc, số máy: JF63E1360064, số khung: RLHJF6309FZ360048; và 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung A7, màu xanh đen, số seri: R58KBOLW8MT.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre).

[6] *Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*; *các điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:*

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T có nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm với số tiền là 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định là 400.000đồng (Bốn trăm nghìn đồng).

Bị cáo, bị hại Phạm Thị Lan H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại Ngô Văn H1, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- Công an huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- Bộ phận HS Công an huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- UBND xã M, TX. L, tỉnh Tiền Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Triều